

CÁC THƯ
THÁNH PHAO-LÔ

Bài 1

THƯ RÔ-MA

1. Tác giả và thời gian biên soạn

Trong hành trình truyền giáo lần thứ ba (53-58) thánh Phao-lô đã cảm nhận cuộc hành trình truyền giáo của mình ở Đông Phương sắp kết thúc. Thánh nhân dự định sẽ đi Tây Ban Nha và trên đường đi, sẽ ghé thăm những Ki-tô hữu đang sinh sống ở thủ đô đế quốc Rô-ma. Không biết thánh nhân có thực hiện được chuyến đi này hay không nhưng rõ ràng người đã viết lá thư này (1,7) gửi cho giáo đoàn Rô-ma.

2. Giáo đoàn Rô-ma

Một điều chắc chắn rằng, giáo đoàn này không phải do thánh Phao-lô thành lập. Nó đã hiện diện trước khi thánh Phao-lô viết lá thư này. Vào năm 49 do sắc chỉ trục xuất ra khỏi Rô-ma tất cả những người có liên quan đến một nhân vật “Chrestus”, có lẽ là “Christus”, nào đó, thánh Phao-lô biết được tình trạng của giáo đoàn này nhờ hai ông bà A-qui-la và Pơ-rít-xi-la.

Có ý kiến cho rằng giáo đoàn Rô-ma phần lớn gồm những Ki-tô hữu gốc dân ngoại, nhưng cũng có ý kiến ngược lại. Điều quan trọng là trong giáo đoàn này bao gồm cả người Ki-tô hữu gốc Do Thái và người Ki-tô hữu gốc dân ngoại. Thánh Phao-lô đã viết thư cho họ, gồm cả gốc dân ngoại và gốc Do Thái, để giới thiệu về giáo lý mà ngài gọi là “Tin mừng” của mình với anh em ở Rô-ma.

3. Bố cục

- Lời giới thiệu (1,1-15)
- Thiên Chúa làm cho con người nên công chính (1,16-4,25).
 - + Người ngoại và người Do Thái phải chịu cơn thịnh nộ của Thiên Chúa (1,18-3,20).
 - + Con người được nên công chính nhờ đức tin (3,21-31).
 - + Gương tổ phụ Áp-ra-ham (4,1-25).
- Thiên Chúa cứu độ con người (5,1-11,36).
 - + Chúng ta được giải thoát khỏi tội lỗi, sự chết và Lễ Luật (5,12-7,25).
 - + Người tín hữu sống theo Thần Khí (8,1-39).
 - + Vấn đề Ít-ra-en không tin (9,1-11,36).
- Khuyên nhủ (12,1-15,13).
- Kết thư (15,14-16,13)

4. Nội dung thư

Trong thư, chúng ta thấy có cụm từ “Tin mừng”. Vậy, Tin mừng của thánh Phao-lô là gì? Theo thánh nhân định nghĩa thì “‘Tin mừng’ của người là sức mạnh Thiên Chúa dùng để cứu độ tất cả những ai có lòng tin, trước là người Do Thái, sau là người Hy Lạp. Vì trong ‘Tin mừng’, sự công chính của Thiên Chúa được mặc khải, nhờ đức tin để đưa đến đức tin, như có lời chép: Người công chính nhờ lòng tin sẽ được sống” (1,16-17).

Thiên Chúa trừng phạt những kẻ tội lỗi và yếu lòng tin, kể cả người Do Thái và người dân ngoại, nhưng qua đó Thiên Chúa cũng tỏ quyền năng cứu độ họ bằng cách làm cho họ nên công chính trong Chúa Ki-tô (3,21 – 5,21).

Vấn đề Ít-ra-en không tin, thánh Phao-lô vẫn hy vọng một ngày nào đó họ vẫn được cứu độ nhờ lòng từ bi thương xót của Thiên Chúa. Hành động không tin của họ chỉ có tính cách tạm thời và đó cũng là dịp để cho dân ngoại có cơ hội tiếp cận với Tin Mừng của Chúa và được cứu.

Những ai tin vào Đức Ki-tô, bất kể là người Do Thái hay dân ngoại, thì được giải thoát khỏi sự chết và lề luật. Hiệu quả của lòng tin này là họ được hưởng một đời sống mới, đời sống trong Đức Ki-tô, và được Thần Khí hướng dẫn.

Về vấn đề công chính hóa, thánh Phao-lô đã nêu lên một số điểm thực hành xứng với đời sống mới trong Chúa Ki-tô : thờ phượng Thiên Chúa cách xứng hợp (12,1-2) ; sống khiêm nhường và bác ái trong cộng đoàn (12,3-13) ; bác ái đối với mọi người kể cả kẻ thù địch (12,14-21) ; yêu thương là chu toàn lề luật (13,8-10) ; bác ái đối với người yếu tin (14 – 15,4). Hơn nữa, thánh Phao-lô cũng nhắc nhở người tín hữu thể hiện bổn phận của họ đối với đất nước, nhà cầm quyền, vì quyền bính của họ là do Thiên Chúa ban và để họ thi hành mệnh lệnh của Chúa (13,1-7).

Sau cùng, thánh Phao-lô muốn hướng mọi người tới ngày cánh chung. Thiên Chúa sẽ xét xử tất cả mọi người dựa trên những gì họ đã thể hiện trong cộng đoàn của họ : đời sống bác ái, yêu thương anh em mình, sống khiêm nhường không xét đoán ...

CÂU HỎI GỢI Ý

- 1. Khi viết thư Rô-ma, thánh Phao-lô muốn giới thiệu điều gì ?*
- 2. Giáo đoàn Rô-ma bao gồm những dân nào ?*
- 3. Thánh Phao-lô đưa ra những tiêu chuẩn sống nào để đáp lại ơn công chính hóa mà Thiên Chúa đã ban cho loài người ?*

Bài 2 THƯ CÔ-RIN-TÔ (1 và 2)

1. Tác giả

Chính thánh Phao-lô là tác giả của hai lá thư này.

2. Giáo đoàn Cô-rin-tô

Cô-rin-tô là một thành phố cảng rộng lớn, là trung tâm văn hóa của Hy Lạp, đồng thời cũng là nơi giao lưu tư tưởng và tôn giáo. Thành Cô-rin-tô cũng mang nhiều tệ nạn xã hội của mọi thành phố. Dân nghèo và nô lệ chiếm đa phần. Điều này cũng ảnh hưởng đến tinh thần của giáo đoàn. Một giáo đoàn non trẻ, đức tin Ki-tô giáo còn yếu ớt khi phải đối diện với lối sống xô bồ, vô luân của xã hội bên ngoài đe dọa.

Giáo đoàn Cô-rin-tô do thánh Phao-lô thành lập trong chuyến đi truyền giáo lần thứ hai, vào khoảng những năm 50 - 52 của kỷ nguyên đầu tiên của Ki-tô giáo. Thánh nhân đã lưu sống và đã loan giảng Tin mừng ở đây trong thời gian 18 tháng.

3. Thời gian và hoàn cảnh biên soạn

Thành Cô-rin-tô quả là một thách đố cho cộng đoàn Ki-tô hữu còn non trẻ tại đó. Trong chuyến đi truyền giáo lần thứ ba, thánh Phao-lô nhận được những tin tức không tốt lành về giáo đoàn còn non trẻ này từ một số người đến từ thành Cô-rin-tô, từ ông A-pô-lô và qua người nhà của bà Khơ-lô-e, đã buộc thánh nhân phải viết lá thư 1 Cô-rin-rô vào khoảng lễ Vượt Qua năm 57 (1 Cr 5,7 tt; 16,5-9) và hứa sẽ ghé thăm họ.

Nhưng tại Cô-rin-tô đã xảy ra một chuyện làm tổn thương đến uy tín của thánh Phao-lô. Việc này, khiến ngài không đến thăm họ như đã hứa nhưng thay vào đó, ngài viết một lá thư nghiêm khắc, “nước mắt chan hòa”, lá thư này đã đạt kết quả tốt.

Vì một lý do nào đó, thánh nhân rời khỏi Ê-phê-xô và đến Ma-kê-đô-ni-a. Tại đây, thánh Phao-lô biết kết quả tốt đẹp của lá thư trước. Được tin này, người viết 2 Cô-rin-tô vào cuối năm 57. Sau đó người ghé qua Cô-rin-tô (2 Cr 9,5; 12,14; 13,1.10), rồi trở lên Giê-ru-sa-lem và bị bắt tại đây.

4. Bố cục

4.1 Thư 1 Cô-rin-tô

Lời mở đầu : 1,1-9

Giáo lý và lời khuyên : 1,10 - 15,58

- Chia rẽ và gương xấu :

+ Các phe phái trong giáo đoàn Cô-rin-tô : 1,10 - 4,21

+ Trường hợp loạn luân : 5

+ Kiện nhau ở toà đời : 6,1-11

+ Tội tà dâm : 6,12-20

- Giải quyết một số vấn đề

+ Hôn nhân và độc thân : 7

+ Vấn đề thịt cúng : 8,1 - 11,1

+ Trật tự trong cộng đoàn : 11,2 - 14,40

- Kể chết sống lại : 15

Kết luận : 16

4.2 Thư 2 Cô-rin-tô

Lời mở đầu : 1,1-11

- Nhắc lại những sự việc đã xảy ra : 1,12 - 7,16

- Tổ chức lạc quyên : 8,1 - 9,15
 - Ông Phao-lô tự biện hộ : 10,1 - 13,10
- Kết luận : 13,11-13

5. Nội dung thư

Trong hai thư này, chúng ta học được rất nhiều điều về những vấn đề nòng cốt của Ki-tô giáo thời sơ khai, nhất là 1 Cô-rin-tô.

5.1 Thư thứ nhất Cô-rin-tô

- Đời sống nội tâm :

Trong 1 Cô-rin-tô, thánh Phao-lô nhấn mạnh đến đời sống nội tâm của người Ki-tô hữu. Mỗi người hãy sống đúng với bậc của mình, “chồng hãy làm trọn bổn phận mình đối với vợ, và vợ đối với chồng cũng vậy” (7,3), ăn ở ngay lành tránh thói dâm ô (5).

Thánh Phao-lô gây ý thức cho tín hữu Cô-rin-tô để nhắc họ nhớ rằng : phải cử hành bữa tiệc Thánh Thể thế nào cho xứng hợp. Một điều chắc chắn đã xảy ra trong cộng đoàn Cô-rin-tô : khi cử hành bữa tiệc Thánh Thể đã có sự phân biệt kẻ giàu người nghèo. Thậm chí họ đã lợi dụng bữa tiệc Thánh Thể như một hình thức để ăn uống, say sưa hơn là để cùng nhau tưởng niệm lại mầu nhiệm phục sinh của Đức Ki-tô (1 Cr 11,17-34).

Về việc sử dụng các ân sủng : mỗi người được thừa hưởng một ân sủng khác nhau, có người được ơn nói tiếng lạ, có người được ơn chữa bệnh, có người được ơn khôn ngoan... (12,4-11). Tuy nhiên đặc sủng khác nhau, nhưng tất cả các đặc sủng đều phát xuất từ một Thần Khí duy nhất. Do đó, mọi người hãy biết tôn trọng đặc sủng của mình và cử hành cách trang nghiêm.

Sau cùng, thánh Phao-lô đã dựa trên nền tảng đức bác ái để khuyên răn mọi người. Mọi người hãy đối xử với nhau bằng đức bác ái. Bởi đức bác ái “tha thứ tất cả, tin tưởng tất cả, chịu đựng tất cả” (13,7).

- Tương quan với thế giới ngoại giáo

Như đã trình bày ở trên, cộng đoàn Cô-rin-tô là một cộng đoàn tuy non trẻ nhưng đã phải đối diện với nhiều khó khăn, nhiều vấn đề rắc rối.

Vì thành Cô-rin-tô là một trung tâm văn hóa, kinh tế và tôn giáo nên việc giao lưu văn hóa, tôn giáo cũng là một vấn nạn nhiều khi đối với giáo đoàn. Và, vấn nạn người ta đã đặt ra cho thánh Phao-lô là : người Ki-tô hữu có được phép ăn thịt cúng hay không ? Đối với thánh Phao-lô, ăn thịt cúng chẳng lợi gì mà không ăn cũng chẳng thiệt gì. Nhưng nếu việc đó là gương mù gương xấu, là cơ cho người yếu đuối vấp phạm, làm ảnh hưởng đến đức tin của nhiều người khác thì tốt nhất đừng nên ăn (8,7-12).

5.2 Thư thứ hai Cô-rin-tô

Thư 2 Cô-rin-tô là những trang tuyệt vời về tính chất cao quý của sứ vụ tông đồ (2,12; 6,10), và một cuộc lạc quyên bình thường (8-9) đã trở nên đề tài chan hòa ánh sáng bởi nó biểu lộ tình liên đới và sự hợp nhất giữa các Giáo hội trong thế kỷ đầu của kỷ nguyên Ki-tô giáo. Sau cùng thánh Phao-lô đã tự biện hộ cho sứ vụ của mình.

Thư thứ hai Cô-rin-tô là những trang tuyệt vời cho tình liên đới giữa những cộng đoàn Ki-tô giáo. Sống tương quan, giúp đỡ lẫn nhau đó cũng là cách thức thể hiện tinh thần hiệp nhất trong Chúa Ki-tô. Bởi Đức Ki-tô “vốn giàu sang phú quý, nhưng đã trở nên nghèo khó” (8,9) vì chúng ta. Do đó, thánh Phao-lô muốn mỗi người Ki-tô hữu hãy bắt chước tinh thần của Đức Ki-tô, sống khó nghèo, liên đới với nhau bằng cả tinh thần lẫn vật chất (8,14-15). Đó là điều cao cả để mỗi người hãy trở nên phục vụ Đức Ki-tô trong chính mình và trong anh em mình.

Thánh Phao-lô cũng không quên trình bày về công hiệu của việc làm phúc đức đó. Những ai gieo nhiều thì gặt được nhiều, kẻ gieo ít thì gặt được ít, và Thiên Chúa có đủ quyền năng để thông ban ân sủng của Người cho những ai đã rộng tay làm phúc (9,8).

CÂU HỎI GỢI Ý

- 1. Giáo đoàn Cô-rin-tô được thành lập khi nào ?*
- 2. Thánh Phao-lô đã nhắc nhở cộng đoàn Cô-rin-tô phải cử hành bí tích Thánh Thể như thế nào ?*
- 3. Thánh Phao-lô đã xử trí như thế nào về vấn nạn ăn của cúng mà người Cô-rin-tô đã đặt ra với Ngài ?*
- 4. Việc lạc quyền mang ý nghĩa gì đối với các cộng đoàn Kitô giáo tiên khởi ?*

Bài 3

THƯ GA-LÁT

Giáo đoàn Ga-lát

Thư Ga-lát khác hẳn với các thư khác, bởi không viết cho một Hội Thánh nhất định nào mà gửi chung chung cho các Hội Thánh miền Ga-lát. Thời thánh Phao-lô, có hai vùng Ga-lát, Ga-lát thượng và Ga-lát hạ.

Cho mãi đến thế kỷ XIX người ta vẫn cho rằng Thánh Phao-lô viết thư cho cộng đoàn tín hữu mà thánh nhân đã thiết lập ở vùng Tiểu Á, tức là vùng Ga-lát thượng. Nhưng, nhờ sự tiến bộ của khoa khảo cổ học và sự tiến bộ của khoa Kinh Thánh, nhiều người chủ trương rằng thánh Phao-lô viết thư cho cộng đoàn tín hữu người đã thành lập trong hành trình truyền giáo lần thứ nhất (x. Cv 13,13-14,27), tức thuộc miền Ga-lát hạ. Cũng có những người chủ trương thánh Phao-lô viết thư Ga-lát cho cả hai miền Ga-lát thượng và hạ.

Nhưng vì các thư đều có tính chất giáo huấn, giải đáp vấn nạn cho một vùng nhất định, do đó, cũng hàm ý phổ biến sang các vùng lân cận.

Thời gian và nơi biên soạn

Nhiều học giả cho rằng, thư Ga-lát là bộ khung của thư Rô-ma, cho nên thư Ga-lát chắc chắn được viết trước thư Rô-ma. Thời điểm viết thư Ga-lát có lẽ vào khoảng năm 54-57. Như vậy, thời gian này thánh nhân đang lưu trú ở Ê-phê-xô hoặc ở Ma-kê-đô-ni-a.

Bố cục

3.1 Nhập đề : 1-10

- Lời mở đầu : 1-5
- Lời cảnh cáo : 1,6-10

3.2 Lời thanh minh : 1,11 - 2,21

- Ôn gọi của thánh Phao-lô : 1,11-24
- Đại hội ở Giê-ru-sa-lem : 2,1-10
- Xung đột với thánh Phê-rô ở An-ti-ô-ki-a : 2,11-14
- Tin mừng của thánh Phao-lô : 2,15-21

3.3 Phần giáo thuyết : 3,1 - 4,31

- Kinh nghiệm của người Ga-lát : 3,1-5
- Kinh Thánh làm chứng : 3,6-14
- Vai trò tạm thời của lề luật : 3,15-22
- Ôn công chính nhờ lòng tin vào Đức Ki-tô : 3,23-29
- Nhắc lại quá khứ : 4,12-20
- Hai giao ước : Ha-ga và Xa-ra : 4,21-31

3.4 Phần khuyên nhủ : 5,1 - 6,10

- Tự do của người tín hữu : 5,1-12
- Tự do và bác ái : 5,13-26
- Khuyến sống bác ái và nhiệt thành : 6,1-10

3.5 Lời cuối thư : 6,11-18

Nội dung thư

Chủ đề chính của thư Ga-lát là ơn công chính nhờ lòng tin vào Đức Ki-tô.

4.1 Đức tin và ơn cứu độ

Những người tín hữu gốc Do Thái vẫn quan niệm rằng con người chỉ được công chính khi họ tuân giữ lề luật của Mô-sê. Nhưng thánh Phao-lô tuyên bố rằng lề luật, nay đã không còn giá trị tuyệt đối như xưa nữa (3,25). Luật không có khả năng ban ơn công chính (2,16). Nhưng trái lại, luật còn là cơ để người ta vấp phạm (3,19). Vì Đức Ki-tô đã giải thoát loài người khỏi tội và cho loài người được làm con cái Thiên Chúa. Do đó, ơn cứu độ chỉ có thể có từ Đức Ki-tô mà thôi.

Đức tin là phương thế để Thiên Chúa ban ơn công chính cho loài người. Vì thế, đòi hỏi người tín hữu kết hợp với Đức Ki-tô trong mọi hành vi của mình. Do đó, ơn công chính không phải do con người, mà do lòng thương xót Thiên Chúa ban cho ai tin vào Đức Giê-su Ki-tô. Ơn công chính không do bản thân, hay do luật Mô-sê, nhưng là do Thiên Chúa, do tin vào Đức Giê-su Ki-tô.

4.2 Tự do của người tín hữu

Như đã trình bày ở phần trên, những người Do Thái muốn các Ki-tô hữu gốc dân ngoại phải giữ lề luật của Mô-sê. Trong bối cảnh đó, thánh Phao-lô trình bày về sự tự do của những người tín hữu. Đức Ki-tô đã chết và sống lại để giải thoát con người khỏi sự nô lệ của lề luật. Và Người cũng ban cho chúng ta quyền tự do, tự do làm con cái Thiên Chúa (5,1).

Tự do của người Ki-tô hữu được triển nở trong việc phục vụ lẫn nhau, trong bầu khí yêu thương nhau. Đức Ki-tô đã thí mạng sống mình chỉ vì yêu thương ta. Do đó, người tín hữu không khép kín mình trong tính tự mãn nhưng biết sống độ lượng, cởi mở với nhau (5,15.26), biết thí mạng cho tha nhân.

CÂU HỎI GỢI Ý

- 1. Hãy cho biết thời gian và nơi biên soạn thư Ga-lát ?*
- 2. Theo thánh Phao-lô, lề luật có mang lại ơn cứu độ không ? Để được cứu độ, người Ki-tô hữu phải làm gì ?*
- 3. Phải hiểu sự tự do mà thánh Phao-lô trình bày như thế nào?*

Bài 4

THƯ Ê-PHÊ-XÔ

Tác giả

Đây là một trong những bức thư gây tranh cãi nhiều nhất về tác giả. Nhiều người cho rằng, thư này được viết bởi một trong số các môn đệ của thánh Phao-lô sau khi thánh nhân qua đời. Nhưng cũng có người lại cho rằng thánh Phao-lô đưa ra những nét chính của bức thư rồi người thư ký soạn lại. Nhưng dấu sao thì cũng khó có thể loại trừ những ý kiến truyền thống cho rằng thánh Phao-lô là tác giả của lá thư này.

Giáo đoàn Ê-phê-xô

Theo sách Công Vụ Tông Đồ, thánh Phao-lô có đến Ê-phê-xô và ở đó ít nhất là ba năm, trong cuộc hành trình truyền giáo lần thứ ba (Cv 19,8.10.22; 20,31). Người ta có cảm tưởng rằng thánh Phao-lô chưa hề giáp mặt giáo đoàn Ê-phê-xô (1,15tt; 4,21; 3,2-4), khi đọc thư này. Bởi có một số điểm khác với những lá thư mục vụ khác như : những lời khuyên nhủ, nhấn tin chung chung, không trình bày những khó khăn cụ thể nào ... và như thế, có lẽ đây là một lá thư luân lưu gửi cho nhiều giáo đoàn khác nhau vùng Tiểu Á.

Thời gian biên soạn

Người ta xếp thư Ê-phê-xô vào nhóm “ngục thư” bởi một điều chắc chắn rằng khi viết lá thư này, thánh Phao-lô đang bị cầm tù, nhưng không rõ thời gian nào. Bởi thánh Phao-lô bị cầm tù nhiều lần trong các cuộc hành trình truyền giáo.

Có nhiều ý kiến khác nhau nói về nơi viết thư này. Có ý kiến cho rằng thánh Phao-lô viết thư này trong thời gian người lưu trú tại Ê-phê-xô (53-56), cũng có ý kiến cho rằng thư được viết tại Xê-da-rê (58-60). Nhưng hầu hết các tác giả Công giáo đều cho rằng thư Ê-phê-xô được viết trong khoảng thời gian thánh Phao-lô bị giam cầm ở Rô-ma (61-63), và đây cũng là ý kiến của truyền thống.

Bố cục

Lời mở đầu

4.1 Mâu nhiệm cứu độ : Đức Ki-tô và Hội Thánh (1,3 - 3,21)

- Kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa (1,3-14)
- Đức Ki-tô được siêu tôn (1,15-23)
- Nhờ ân sủng mà chúng ta được cứu độ (2,1-10)
- Người Do Thái và người ngoại được hòa giải với nhau và với Thiên Chúa (2,11-22)
- Thánh Phao-lô là người phục vụ mâu nhiệm Đức Ki-tô (3,1-13)
- Lời cầu xin của thánh Phao-lô (3,14-21)

4.2 Khuyên nhủ (4,1 - 6,20)

- Kêu gọi hiệp nhất (4,1-16)
- Đời sống mới trong Đức Ki-tô (4,17 - 5,20)
- Gia đình sống đạo (5,21 - 6,9)
- Cuộc chiến đấu thiêng liêng (6,10-20)

Tin tức, lời chào cuối thư (6,21-24)

Nội dung thư

5.1 Mẫu nhiệm Chúa Ki-tô

Chúa Ki-tô được siêu tôn làm thủ lãnh tất cả vũ trụ kể cả các quyền năng thiên giới. Đích điểm của chương trình Thiên Chúa đã hoạch định và được giữ kín từ muôn đời, rồi được thực hiện trong lịch sử, là “quy tụ” tất cả vũ trụ dưới quyền một Thủ Lãnh duy nhất là Đức Ki-tô (1,10); Người trỗi vượt mọi quyền năng thiên giới bởi vì Người đã vượt lên trên các tầng trời (4,10) qua việc Người phục sinh và thăng thiên ngự bên hữu Chúa Cha.

5.2 Mẫu nhiệm Hội Thánh

Mẫu nhiệm đã được Thiên Chúa giữ kín từ trước muôn đời, nay được thực hiện : dân ngoại được kết hợp với dân Do Thái để làm nên Hội Thánh, thành một thân thể, có Chúa Ki-tô là đầu. Thánh Phao-lô được kêu gọi làm người phục vụ mẫu nhiệm này.

Thánh Phao-lô dùng ba hình ảnh để minh họa mẫu nhiệm Hội Thánh : Hội Thánh là một thân thể, có Chúa Ki-tô là đầu; Hội Thánh là công trình xây dựng, có Chúa Ki-tô là viên đá góc; Hội Thánh là hiền thê của Chúa Ki-tô.

Chúa Ki-tô là sự viên mãn của Thiên Chúa và Hội Thánh là sự viên mãn của Chúa Ki-tô.

CÂU HỎI GỢI Ý

- 1. Thánh Phao-lô trình bày những nội dung chính yếu nào trong thư Ê-phê-xô ?*
- 2. Những hình ảnh nào thánh Phao-lô đã sử dụng để diễn tả Giáo Hội ?*
- 3. Thánh Phao-lô trình bày như thế nào về mẫu nhiệm Chúa Ki-tô ?*

Bài 5

THƯ PHI-LÍP-PHÊ

Giáo đoàn

Trong chuyến đi truyền giáo lần thứ hai, thánh Phao-lô đã tới thành phố Phi-líp-phê, một thành phố thuộc đế quốc Rô-ma, và lập một giáo đoàn ở đây (Cv 16,12-40). Ít lâu sau đó, khi hay tin thánh nhân bị cầm tù, giáo đoàn cử người đến thăm. Nhân dịp này, người viết một lá thư gửi cho giáo đoàn nên thư này cũng nằm trong số “ngục thư”.

Thời gian và nơi biên soạn

Vì không biết rõ thời gian thánh Phao-lô bị cầm tù là khi nào nên khó xác định được người viết thư cho giáo đoàn Phi-líp-phê khi nào. Nhưng biết chắc chắn rằng lá thư này được viết ở trong tù. Có thể giải đáp bằng cách sau :

- Nếu cho đây là thời gian thánh Phao-lô bị cầm tù ở Rô-ma (Cv 24,17-31) thì đó là năm 61-63.
- Nếu cho đây là thời gian thánh Phao-lô bị cầm tù ở Xê-da-rê (Cv 24,1-27) thì đó là năm 58-60.
- Nếu cho đây là thời gian thánh Phao-lô bị cầm tù ở Ê-phê-xô (Cv 19,1 - 20,31) thì đó là năm 54-57.

Bố cục

- Lời chào thăm (1,1-2)
- Tạ ơn và cầu nguyện (1,3-11)
- Hoàn cảnh của ông Phao-lô (1,12-26)
- Chiến đấu cho đức tin (1,27-30)
- Duy trì sự hiệp nhất trong đức khiêm nhường (2,1-11)
- Lo sao cho được ơn cứu độ (2,12-18)
- Sự mạng của ông Ti-mô-thê và ông Ê-páp-rô-đi-tô (2,19-30)
- Con đường cứu độ (3,1 - 4,1)
- Lời khuyên cuối cùng (4,2-9)
- Cám ơn vì được cứu trợ (4,10-20)
- Những lời thăm hỏi và cầu chúc cuối cùng (4,21-23)

Nội dung thư

Thư gửi giáo đoàn Phi-líp-phê không trình bày một giáo lý cao siêu nào. Thánh Phao-lô viết lá thư với cảm xúc vui mừng vì giáo đoàn đã nhớ người và cử người đến thăm khi thánh nhân bị cầm tù. Tuy nhiên cũng có những điểm khá quan trọng dù đó chỉ là niềm xác tín của thánh Phao-lô.

- Thánh Phao-lô có một niềm xác tín mãnh liệt vào Đức Ki-tô. Dù sống hay chết, thánh nhân vẫn lấy Đức Ki-tô làm trung tâm điểm (1,12-26). Niềm xác tín đó được thể hiện nơi con người của thánh nhân. Người đã chết đi nơi thân xác của mình để cho chỉ một mình Đức Ki-tô hiện diện. Đối với thánh nhân, “sống là Đức Ki-tô, và chết là một mối lợi” (1,21).

- Thánh Phao-lô khuyên anh em tín hữu trong giáo đoàn sống đức tin vững vàng, đừng vì những điều sai lạc mà lung lay đức tin của mình. Sống hiệp nhất với nhau theo gương hạ mình vâng phục Thiên Chúa của Đức Giê-su Ki-tô (1,17-2,18).

CÂU HỎI GỢI Ý

1. Thư này được viết ở đâu và khi nào ?
2. Niềm xác tín của thánh Phao-lô vào Đức Giê-su Ki-tô như thế nào ?

Bài 6

THƯ CÔ-LÔ-XÊ

Tác giả

Thánh Phao-lô đã viết thư này và nhờ ông Ty-khi-cô mang về (4,7-9).

Giáo đoàn Cô-lô-xê

Cô-lô-xê là một thành phố vùng Tiểu Á, nằm trong thung lũng Ly-cô cách Ê-phê-xô 200 km về phía đông. Đường như cho đến khi viết thư này, thánh Phao-lô chưa hề đặt chân đến giáo đoàn này (x. Cl 1,4; 2,1).

Thời gian và nơi biên soạn

Thư gửi giáo đoàn Cô-lô-xê có mối liên hệ chặt chẽ với thư gửi giáo đoàn Ê-phê-xô về từ ngữ và tư tưởng. Như thế có lẽ thư đã được viết ở Rô-ma vào khoảng năm 61-63, khi thánh nhân đang bị cầm tù. Do đó, thư này cũng được xếp vào một trong số các “ngục thư”.

Bố cục

4.1 Khai đề (1,1-14)

- Lời mở đầu (1,1-2)
- Tạ ơn và cầu xin (1,3-14)

4.2 Phần giáo thuyết (1,15 - 2,5)

- Đức Ki-tô đứng hàng đầu (1,15-20)
- Người Cô-lô-xê được chung hưởng ơn cứu độ (1,21-23)
- Ông Phao-lô vất vả phục vụ dân ngoại (1,24-29)
- Ông Phao-lô lo lắng cho đức tin của người Cô-lô-xê (2,1-5)

4.3 Đề phòng giáo lý sai lạc (2,6 - 3,4)

- Sống theo đức tin chân chính chứ không theo tư tưởng sai lạc (2,6-8)
- Đức Ki-tô, thủ lãnh duy nhất của thiên thần và loài người (2,9-15)
- Đề phòng lối sống khác khổ theo “các quyền lực vũ trụ” (2,16-23)
- Nguyên lý của đời sống mới : kết hợp với Đức Ki-tô phục sinh (3,1-4)

4.4 Phần khuyên nhủ (3,5 - 4,18)

- Chỉ thị chung cho các tín hữu (3,5-17)
- Chỉ thị riêng cho đời sống gia đình (3,18 - 4,1)
- Tinh thần tông đồ (4,2-6)
- Tin tức (4,7-9)
- Lời chào và lời chúc cuối thư (4,10-18)

Nội dung thư

5.1 Mẫu nhiệm Chúa Ki-tô

Trong tương quan với Chúa Cha, Chúa Ki-tô là hình ảnh tuyệt hảo của Chúa Cha. Trong tương quan với vũ trụ, Chúa Ki-tô là Đấng sáng tạo, Đức Ki-tô là cùng đích của vạn vật (1,15-17), muôn loài nhờ Đức Ki-tô mà có thì muôn loài cũng nhờ Đức Ki-tô mà được cứu chuộc. Trên bình diện cứu chuộc, Đức Ki-tô là đầu của Hội Thánh. Hội Thánh là thân thể của Người.

5.2 Mẫu nhiệm Giáo Hội

Nhờ cái chết và sự phục sinh, Đức Ki-tô đã hòa giải con người với Thiên Chúa (1,20a). Tất cả những ai đón nhận ơn hòa giải, tức là ơn cứu độ được quy tụ lại để làm nên Hội Thánh, làm thành một thân thể trong đó, Đức Ki-tô làm đầu của thân thể đó. Nói theo cách khác, Đức Ki-tô là “trưởng tử” (1,15) giữa một đàn em đồng đúc. Nhờ đó, mọi người được gọi Thiên Chúa là Cha.

CÂU HỎI GỢI Ý

- 1. Hãy cho biết thời gian và nơi biên soạn thư ?*
- 2. Bố cục thư được chia làm mấy phần chính ?*
- 3. Thánh Phao-lô trình bày như thế nào về mầu nhiệm Chúa Ki-tô ?*
- 4. Mầu nhiệm của Hội Thánh theo thánh Phao-lô như thế nào ?*

Bài 7 THƯ THÊ-XA-LÔ-NI-CA (1 và 2)

Giáo đoàn Thê-xa-lô-ni-ca

Thê-xa-lô-ni-ca là thủ phủ của tỉnh Ma-kê-đô-ni-a, thuộc đế quốc Rô-ma. Thê-xa-lô-ni-ca là một hải cảng nằm trên ranh giới đông tây, đồng thời cũng là một giao lộ khá quan trọng của đế quốc Rô-ma. Vì thế nó còn là một thành phố thương mại và quy tụ nhiều sắc tộc trong đó có cả người Do Thái.

Trong hành trình truyền giáo lần thứ hai, thánh Phao-lô đã đến Thê-xa-lô-ni-ca và loan giảng Tin Mừng ở đây. Thánh Phao-lô đã chinh phục được một nhóm nhỏ những người tin theo gồm một số kiều bào Do Thái và một số khác là dân ngoại. Phần đông những người tín hữu trong giáo đoàn này thuộc tầng lớp bình dân.

Vì không chịu nổi những quấy phá của người Do Thái, thánh Phao-lô phải vội vã ra đi để lại sau lưng một giáo đoàn đức tin còn non nớt.

Thời gian và nơi biên soạn

3.1 Thư thứ nhất

Dù vội vã ra đi, nhưng thánh Phao-lô rất lo lắng cho giáo đoàn còn non trẻ Thê-xa-lô-ni-ca. Quá sốt ruột, thánh nhân nhờ ông Ti-mô-thê trở lại thăm giáo đoàn non trẻ này để lấy tin tức và củng cố đức tin cho họ.

Ông Ti-mô-thê trở về mang theo cả niềm vui lẫn nỗi buồn. Thế là vào năm 50, từ Cô-rin-tô, thánh Phao-lô viết cho giáo đoàn Thê-xa-lô-ni-ca bức thư đầu tiên của người và đồng thời cũng là những trang đầu tiên của bộ Tân Ước.

3.2 Thư thứ hai

Sau khi nhận được thư của thánh tông đồ, nhiều tín hữu ở giáo đoàn Thê-xa-lô-ni-ca cho rằng : Chúa đã đến rồi và họ không ngừng đi loan truyền điều này khắp nơi. Chính vì thế, chỉ ba tháng sau, từ Cô-rin-tô, thánh Phao-lô một lần nữa lại cầm bút viết thư gửi cho giáo đoàn này.

Bố cục

3.1 Thư thứ nhất

- Lời mở đầu (1,1)
- Tạ ơn Thiên Chúa và khen ngợi cộng đoàn (1,2-10)
- Thái độ của ông Phao-lô khi ở Thê-xa-lô-ni-ca (2,1-12)
- Đức tin và lòng kiên nhẫn của người Thê-xa-lô-ni-ca (2,13-16)
- Ông Phao-lô lo lắng về cộng đoàn (2,17-20)
- Phái ông Ti-mô-thê đi Thê-xa-lô-ni-ca (3,1-5)
- Tạ ơn Chúa vì các tin tức nhận được (3,6-13)
- Khuyên cộng đoàn sống thánh thiện và bác ái (4,1-12)
- Người sống và kẻ chết trong ngày Chúa quang lâm (4,13-18)
- Tỉnh thức chờ ngày Chúa quang lâm (5,1-11)
- Một vài đòi hỏi của đời sống cộng đoàn (5,12-22)
- Lời cầu nguyện và lời chào cuối thư (5,23-28)

3.2 Thư thứ hai

- Lời mở đầu (1,1-2)
- Thiên Chúa thưởng phạt ngày sau hết (1,3-12)
- Ngày Chúa quang lâm và những gì xảy ra trước đó (2,1-12)
- Khuyên nhủ kiên trì (2,13 - 3,5)
- Đề phòng lối sống vô kỷ luật (3,6-15)
- Lời cầu nguyện và lời chào cuối thư (3,16-17)

Nội dung thư

4.1 Thư thứ nhất

Đặc điểm nổi bật của thư thứ nhất Thê-xa-lô-ni-ca là giáo lý về thời cánh chung. Những lời loan giảng của các tông đồ trong thời kỳ phôi thai của Giáo Hội chủ yếu tập trung vào biến cố phục sinh của Đức Ki-tô và việc Người sẽ quang lâm.

Trong thư này, thánh nhân đã giải đáp những thắc mắc chính đáng cho những tín hữu Thê-xa-lô-ni-ca. Số phận của những tín hữu chết trước khi Chúa đến sẽ ra sao? Thánh Phao-lô cho thấy niềm hy vọng của họ vẫn còn đó, mọi tín hữu đã tin vào Đức Giê-su sống lại cũng sẽ được hưởng vinh quang với Người khi Người quang lâm. Trong ngày trọng đại ấy, những người đã chết trước đây sẽ sống lại cùng với những người vẫn còn sống đi ngênh đón Chúa để rồi được ở bên Chúa mãi mãi.

Điều đáng chú ý là thánh Phao-lô không nói rõ ngày giờ nào Chúa quang lâm, ngài nhấn mạnh đến tính cách bất ngờ (5,2-3). Do đó đòi hỏi mọi người phải tỉnh thức, luôn luôn sẵn sàng chờ đón Chúa đến.

4.2 Thư thứ hai

Sau những lời nói khái huyền của thánh Phao-lô trong thư thứ nhất Thê-xa-lô-ni-ca, những Ki-tô hữu trở nên dao động trước viễn cảnh Chúa đến. Trước vấn đề đó, thánh Phao-lô viết thư thứ hai để trấn an. Thánh nhân cũng xác định rằng ngày của Chúa chưa đến, phải có những dấu hiệu báo trước ngày Chúa đến. Những dấu hiệu đó có thể được hiểu như sau:

Xa-tan đang hoạt động trong thế gian và đến một lúc nào đó, người ta không còn nhận được đâu là người lành, đâu là người gian ác, đâu là thật, đâu là giả dối nữa. Những cuộc bắt bớ những người công chính xảy đến...

Tiếp đến là chuyện các Ki-tô hữu không còn tin vào Đức Ki-tô nữa, họ chối bỏ đức tin hàng loạt. Khi đó, Xa-tan xuất hiện, dùng nhiều “phép mầu, điềm thiêng dấu lạ” (2,9), “thậm chí nó còn ngồi trong đền thờ Thiên Chúa và tự xưng là Thiên Chúa” (2,4).

Cuối cùng, chỉ khi nào tên “gian ác” xuất hiện thì Đức Ki-tô mới quang lâm để tiêu diệt nó. Một cuộc chiến ác liệt xảy ra trước khi Đức Ki-tô chiến thắng khải hoàn. Với viễn cảnh này, thánh Phao-lô khuyên người tín hữu Thê-xa-lô-ni-ca hãy tỉnh thức và cảnh giác. Bởi có chụu bách hại, đau khổ (1,4-5), mới được chia sẻ vinh quang với Đức Ki-tô (2,14).

CÂU HỎI GỢI Ý

1. Trong thư thứ nhất gửi Thê-xa-lô-ni-ca, thánh Phao-lô đã trình bày nét đặc thù nào? Và ngài trình bày như thế nào?

2. Sau khi nhận được thư thứ nhất thánh Phao-lô gửi tới, cộng đoàn tín hữu Thê-xa-lô-ni-ca có thái độ như thế nào ?
3. Trong thư thứ hai Thê-xa-lô-ni-ca, thánh Phao-lô trình những hình ảnh nào để báo hiệu Chúa quang lâm ?
4. Bạn hãy cho biết sơ lược về giáo đoàn Thê-xa-lô-ni-ca?

Tác giả

Thánh Phao-lô là tác giả của hai thư này. Tuy vẫn có ý kiến cho rằng tác giả thư này là của một người nào đó chứ không phải của thánh Phao-lô. Vì lời văn, giọng thư, tư tưởng và thái độ nhiệt tình cũng không giống như các thư trước của thánh Phao-lô.

Nhưng theo truyền thống, chúng ta vẫn cứ coi thánh Phao-lô là tác giả của hai thư này. Có thể các thư ký của ngài được tự do sáng kiến nhiều hơn. Cũng có thể vì tuổi già và sau nhiều lần bị cầm tù, nên giọng văn không còn sức cuốn hút như trước đây nữa.

Độc giả

Độc giả của hai thư này thật rõ rệt. Trong hành trình truyền giáo lần thứ hai, thánh Phao-lô đã gặp ông Ti-mô-thê (Cv 16,1-3) và ông này trở thành môn đệ thân cận nhất của thánh nhân. Ông đã đồng hành cùng thánh nhân trong hầu hết các cuộc hành trình truyền giáo và thay mặt thánh Phao-lô giải quyết một số vấn đề tế nhị.

Thời gian biên soạn

Nhiều giả thiết cho rằng thư này được viết vào khoảng thời gian sau khi thánh nhân ra tù ở Rô-ma lần thứ nhất từ năm 63 đến lúc thánh nhân qua đời năm 67. Riêng thư thứ hai, có lẽ được viết vào khoảng năm 67 lúc thánh nhân sắp sửa từ giả cõi đời này (2 Tm 4,6).

Bố cục

4.1 Thư thứ nhất : gồm ba điểm chính.

- Nhắc nhở ông Ti-mô-thê cảnh giác với các lạc thuyết chủ trương thế giới vật chất là xấu xa và con người chỉ được cứu độ nhờ tiếp nhận một nền kiến thức huyền bí.
- Những chỉ dẫn về việc thờ phượng, tổ chức Hội Thánh, tác phong của những người lãnh đạo cộng đoàn.
- Cuối cùng là những lời khuyên môn đệ Ti-mô-thê về cách thức thi hành chức vụ và chăm sóc đàn chiên.

4.2 Thư thứ hai

- Thánh Phao-lô tạ ơn Thiên Chúa vì đức tin và đức mến của ông Ti-mô-thê.
- Khuyên nhủ ông Ti-mô-thê kiên trì chịu thử thách và cương quyết chiến đấu.
- Đề phòng những cuộc tranh luận viển vông.
- Kêu gọi sống trung thành.
- Thánh nhân bày tỏ tình trạng bi đát của mình, nhưng vẫn dâng lời tạ ơn Thiên Chúa.

Nội dung thư

5.1 Thư thứ nhất

Đây là một thư viết cho một người đang lãnh nhận nhiệm vụ hướng dẫn cộng đoàn. Do đó, nếu nhìn tổng thể, thư này trình bày một loạt những hướng dẫn và những lời khuyên cần thiết.

Giáo lý chủ đạo trong thư là ca tụng lòng từ bi của Thiên Chúa được biểu lộ nơi Đức Giê-su Ki-tô. Đức Giê-su Ki-tô đến thế gian để cứu vớt những con người tội lỗi (1,15). Thiên Chúa muốn tỏ lộ lòng từ bi của Người đến tất cả mọi người để những ai tin vào Người thì được cứu độ.

Với ông Ti-mô-thê, thánh Phao-lô luôn nhắc nhở ông cảnh giác với những thứ giáo lý sai lạc. Giáo lý mà thánh Phao-lô muốn loan truyền là giáo lý chân thật, “nhằm đưa tới đức mến xuất phát từ tâm hồn trong sạch, lương tâm ngay thẳng và đức tin không giả hình” (1,5).

Ngoài ra thánh Phao-lô cũng trình bày về mầu nhiệm của đạo thánh : Đức Ki-tô mặc lấy thân phận người phàm, được muôn loài chiêm ngưỡng và tin kính và được siêu thăng trên cõi trời vinh hiển (3,16).

Sau cùng là những lời khuyên rất quý báu cho người Ki-tô hữu : sống ngay lành, kính trọng các cụ già, coi các cụ như cha mẹ, coi những người thanh niên như anh em, và xem các thiếu nữ như chị em, với tấm lòng trong sạch (5,1-2). Người nô lệ hãy phục vụ chủ trong tinh thần phục vụ người anh em yêu quý (6,1-2). Thái độ và cách ăn mặc của người phụ nữ phải đoan trang, đứng đắn khi tham dự phụng vụ (2,9-15). Thánh Phao-lô cũng không quên khuyên người Ki-tô hữu cầu nguyện cho nhà cầm quyền để mọi người được an cư lạc nghiệp và sống đạo đức.

5.2 Thư thứ hai

Sang thư này, thánh Phao-lô trình bày về những thử thách của người tông đồ. Vì Tin Mừng, vì Đức Ki-tô, thánh Phao-lô đã chịu nhiều đau khổ kể cả xiềng xích, tù tội. Nhưng chính niềm hy vọng được cứu thoát đã làm cho người tông đồ được trở nên kiên vững và phó thác vào Thiên Chúa : “Nếu ta cùng chết với Người, ta sẽ sống với người. Nếu ta kiên tâm chịu đựng, ta sẽ cùng hiển trị với Người. Nếu ta chối bỏ Người thì Người sẽ chối bỏ ta” (2,11-12).

Mặt khác, thánh Phao-lô cũng không quên nhắc nhở ông Ti-mô-thê hãy đề phòng một thứ giáo lý sai lạc. Xa-tan luôn luôn tìm cách phá vỡ công trình của Thiên Chúa. Chúng tìm mọi cách có thể được để làm lung lạc đức tin còn non trẻ của những người Ki-tô hữu.

Về vấn đề luân lý, thánh Phao-lô nhắc ông Ti-mô-thê hãy đề phòng những thói vô luân thời sau cùng như tham lam, ích kỷ, ham tiền, kiêu ngạo, lộng ngôn, phạm thượng, thiếu tiết độ, hung dữ... Thánh Phao-lô hết mực khuyên ông Ti-mô-thê hãy theo sát đạo lý của Tin Mừng mà ông đã học được nơi thánh Phao-lô để trở nên con người thập toàn.

Nhìn chung, hai thư gửi ông Ti-mô-thê, đều có một điểm chung là lời cảnh giác trước những giáo lý sai lạc về đức tin. Có lẽ vào thời đó, cộng đoàn do ông Ti-mô-thê đang chăm sóc luôn phải đối diện với vấn đề này chăng ?

CÂU HỎI GỢI Ý

- 1. Giáo lý chủ chốt trong thư thứ nhất là gì ?*
- 2. Ta phải có sự tương quan như thế nào đối với mọi người ?*
- 3. Sang thư thứ hai, thánh Phao-lô đã trình bày những điều gì?*

1. Thời gian và nơi biên soạn

Có lẽ thư này được viết vào khoảng năm 65, trong cuộc hành trình của thánh Phao-lô qua Kê-ta, Tiểu Á và vùng Hy Lạp. Lúc đó, ông Ti-tô đang ở Kê-ta và được giao nhiệm vụ tổ chức Hội Thánh tại đây.

2. Độc giả

Thư này được gửi cho một người mang danh tánh rõ ràng, nhưng cũng liên hệ đến cộng đoàn nơi ông Ti-tô đang làm việc. Ông Ti-tô là người gốc dân ngoại, và là người hòa giải giữa thánh nhân với giáo đoàn Cô-rin-tô.

3. Bố cục

Toàn bộ thư này gồm ba chỉ dẫn chính :

- Tổ chức giáo đoàn và đề phòng những kẻ rao truyền giáo lý sai lạc.
- Các hạng tín hữu.
- Những chỉ dẫn để thực hành các nhân đức.

4. Nội dung thư

Vai trò của ông Ti-tô được thánh Phao-lô xác định rõ : tổ chức và đặt các kỳ mục cho mỗi thành. Kỳ mục cũng là một người gương mẫu trong giáo đoàn mà không ai có thể chê trách được : hiếu hòa, công chính, chừng mực, thánh thiện, tiết độ ...

Thánh Phao-lô lên tiếng sửa dạy những người tín hữu lầm lạc và chê trách giáo lý sai lạc của những người Do Thái. Thánh nhân khẳng định : “một khi đã nên công chính nhờ ân sủng của Đức Ki-tô, chúng ta được thừa hưởng sự sống đời đời, như chúng ta vẫn hy vọng” (3,7).

Thánh Phao-lô nhắc nhở về bốn phạm của người tín hữu. Sống thánh thiện, hiếu hòa, nhân từ với hết mọi người là thể hiện một con người hoàn hảo, bởi Thiên Chúa “đã biểu lộ lòng nhân hậu và lòng yêu thương của Người đối với nhân loại” (3,4).

Ngoài ra, thánh Phao-lô cũng không quên khuyên mọi tín hữu phải có thái độ phục tùng và tuân lệnh các nhà chức trách, các người cầm quyền, phải sẵn sàng làm mọi việc tốt.

Cuối cùng, thư chỉ nói đôi nét về Chúa Thánh Thần nhưng cũng trình bày vai trò thiết yếu của Chúa Thánh Thần. Nhờ Thánh Thần, chúng ta được tái sinh và đổi mới.

CÂU HỎI GỢI Ý

1. Cho biết bố cục của thư
2. Chúa Thánh Thần có vai trò nào trong đời sống của người Kitô hữu ?
3. Thánh Phao-lô khuyên người tín hữu sống như thế nào?

1. Tác giả

Chắc chắn thư gửi ông Phi-lê-môn là của thánh Phao-lô và do chính tay người viết (cc 19.21).

2. Thời gian và nơi biên soạn

Thánh Phao-lô viết thư này đang khi người bị cầm tù (cc. 1.9.10.13.18.23), và cũng có thể được biên soạn đồng thời với hai thư khác như Cô-lô-xê và Ê-phê-xô. Bởi những nhân vật được nhắc trong các thư này đều giống nhau. Cho nên, có thể xác định cách chắc chắn rằng thư Phi-lê-môn được viết vào khoảng năm 61-63 ở Rô-ma.

3. Bố cục

Đây là thư ngắn nhất trong các loạt thư của thánh Phao-lô.

- Chào thăm ông Phi-lê-môn và những người đang ở với ông (cc. 1-3)
- Tạ ơn Thiên Chúa về lòng tin và lòng nhiệt thành của ông Phi-lê-môn. Chúc mừng (cc. 4-7)
- Trình bày và biện hộ cho anh Ô-nê-xi-mô (cc. 8-21)
- Chào thăm và hy vọng gặp lại ông Phi-lê-môn (cc. 22-25)

4. Nội dung thư

Vấn đề nô lệ là một vấn đề thời sự và hết sức tế nhị vào thời thánh Phao-lô. Với thánh nhân, người không bàn gì nhiều về vấn đề này nhưng có những lời khuyên -nằm rải rác trong các thư của thánh nhân - cho cả những người nô lệ và những người chủ. Những người nô lệ phải vâng lời chủ như vâng lời Đức Ki-tô (Ep 6,5; Cl 3,22-25; Tt 2,9-10). Các chủ nhân, họ cũng phải đối xử công bằng với những người nô lệ (Cl 4,1). Dưới ánh sáng đức tin, mọi người, dù là nô lệ hay chủ, đều như nhau. Trong Đức Ki-tô, không còn sự phân biệt : tự do hay nô lệ (Gl 3,28). Mọi người phải thương yêu nhau như anh em (Rm 12,10).

Trong trường hợp của anh Ô-nê-xi-mô, nếu chiếu theo luật thì anh đáng bị trừng phạt. Nhưng thánh Phao-lô đã đi một bước trước, thánh nhân xin ông Phi-lê-môn lấy lòng khoan dung nhân hậu từng có nơi ông mà cư xử với anh.

Điểm mấu chốt mà thánh Phao-lô muốn nhấn mạnh là trong Đức Ki-tô, tất cả mọi người đều là những người tội lỗi. Trong Đức Ki-tô, mọi người phục vụ lẫn nhau trong tình bác ái, huynh đệ. Người chủ không coi người nô lệ như vật sở hữu nhưng như người anh em (c.16).

Chúng ta thấy thánh Phao-lô không muốn áp đặt lệnh truyền buộc ông Phi-lê-môn phải nhận lại anh Ô-nê-xi-mô, nhưng muốn ông tự do nhận lại người nô lệ - theo luật thì đáng phải bị trừng phạt - và đối xử bác ái với anh. Không những thế, ông còn đón nhận anh như anh em trong nhà, trong tình yêu Đức Ki-tô.

CÂU HỎI GỢI Ý

- 1. Thái độ của thánh Phao-lô đối với vấn đề nô lệ như thế nào ?*
- 2. Đọc thư này, bạn suy nghĩ gì về nạn bóc lột sức lao động của những người lao động nghèo, phụ nữ và trẻ em ... trong xã hội ngày nay ?*

Bài 11

THƯ DO THÁI

1. Tác giả

Ai là tác giả của thư này ? Có nhiều ý kiến đối lập nhau về quan điểm cho rằng thánh Phao-lô là tác giả của thư này. Đến thế kỷ thứ IV Hội Thánh bên tây phương vẫn không công nhận thánh Phao-lô viết thư này, không phải là không có cơ sở. Cung cách hành văn cũng không phù hợp với tâm tư của thánh Phao-lô, lời văn không mạnh mẽ, mờ nhạt, đằm đằm... bấy nhiêu yếu tố cũng đủ chứng tỏ có cái gì đó không là của thánh Phao-lô. Về giáo lý thì có những chỗ người ta khẳng định ngay rằng đó là của Phao-lô nhưng cũng có những chỗ không thể khẳng định ngay được là của Phao-lô.

Hiện nay, nhiều nhà chú giải Công giáo cũng như ngoài Công giáo đều cho rằng thánh Phao-lô không phải là tác giả của thư này. Nhưng cũng có thể thánh nhân đã ảnh hưởng ít nhiều về tư tưởng trong thư này.

Vậy, ai là tác giả của thư này ? Người thì cho rằng thánh Lu-ca, người thì cho rằng ông Bác-na-ba, người thì cho rằng ông A-pô-lô, người thì cho rằng thánh Clê-men-tê thành Rô-ma, nhưng chẳng có lý chứng nào xác thực cả. Thật khó xác định được tác giả thư Do Thái là ai.

2. Độc giả

Có nhiều giả thiết khác nhau về độc giả của thư này. Có người cho rằng thư được viết cho những người trong cộng đồng Ki-tô hữu gốc Do Thái sống ở Pa-lét-tin nói tiếng Híp-ri, cũng có người cho rằng thư được viết cho người Do Thái ngoài Ki-tô giáo. Nhưng cả hai giả thiết này đều khó có thể chấp nhận được. Vì nét văn Hy Lạp trong thư này không phải là văn dịch và nội dung thư cũng không khuyên người ta trở lại đạo mà chỉ khuyên người ta bền chí vững tin hơn (3,6; 5,12; 6,9-12). Như thế, điều có thể chấp nhận được là thư này được viết cho người Do Thái, nhưng họ sống và ở đâu thì khó xác nhận được.

3. Thời gian và nơi biên soạn

Thư này được viết vào khoảng những năm trước khi thành Giê-ru-sa-lem bị phá hủy năm 70. Nhưng cũng vẫn có nhiều ý kiến khác nhau về niên biểu của thư này. Có ý kiến cho rằng thư này được viết trước các thư quan trọng khác của thánh Phao-lô, nhưng cũng có ý kiến ngược lại khi cho rằng thư này được viết vào khoảng cuối thế kỷ thứ nhất, khoảng năm 95. Nhưng ý kiến này không thực, bởi năm 95 thánh Clê-men-tê thêm chữ "gửi tín hữu Do Thái" vào sau chữ thư, như vậy nó phải có trước năm 95.

Không có một nguồn tài liệu nào khẳng định được nơi biên soạn thư này. Người ta chỉ có thể nói lờ mờ rằng thư được biên soạn tại Ý (13,24) trước lúc thành Giê-ru-sa-lem bị phá hủy hoàn toàn.

4. Bố cục

Ngoài phần mở đầu (1,1-4) và phần phụ trương (13,1-25) thư này có thể được chia thành bốn đoạn như sau :

- *Đoạn I* : từ 1,5 - 2,18, tác giả xác định danh của Đức Ki-tô, vị trí của Đức Ki-tô bên cạnh Thiên Chúa (1,5-14) và giữa loài người (2,5-18).
- *Đoạn II* : từ 3,1 - 5,10, tác giả cho thấy Đức Ki-tô vừa có quyền thế bên cạnh Thiên Chúa (3,1-6) vừa liên đới với loài người, và có thể ví như Mô-sê và A-ha-ron (4,15 -5,10).
- *Đoạn III* : từ 5,11 - 10,18, tác giả trình bày Đức Ki-tô là tư tế đích thực.
- *Đoạn IV* : 10,19 - 12,29, nhấn mạnh đến hai góc cạnh căn bản của đời sống Ki-tô hữu là đức tin và lòng kiên nhẫn theo gương Đức Ki-tô để khuyến khích mọi người bước vào con đường thánh thiện và bình an.

5. Nội dung thư

Ngay từ đầu thư, tác giả đã trình bày hình ảnh Đức Ki-tô vượt trên hết mọi thọ tạo. Nguồn gốc của Đức Ki-tô được chính Thiên Chúa là Cha xác nhận : “Ta sẽ là Cha Người, và Người sẽ là Con Ta” (1,5 tt). Và chính Đức Ki-tô là Đấng cứu chuộc loài người. Nhờ cuộc tử nạn của Đức Ki-tô mà muôn người chúng ta được sống (2,9).

Đức Ki-tô, vị Thượng Tế cao cả, giàu lòng thương xót, đã cam chịu những nỗi khổ cực, yếu hèn, đã mang lấy thân phận con người ngoại trừ tội lỗi (4,15). Đồng thời, Người cũng là Đấng trung gian để chuyển giao ân sủng từ Thiên Chúa cho những ai cần được xót thương. Qua đó, Đức Ki-tô được ví cao trọng hơn Mô-sê. Ông Mô-sê trung thành với tư cách là người tôi tớ thì Đức Ki-tô trung thành với tư cách là trưởng tử (3,5-6).

Tác giả đã sử dụng hình ảnh ông Men-ki-xê-đê để mô tả vai trò thượng tế cao cả của Đức Ki-tô. Cao trọng hơn chức vị thượng tế theo lề luật, bởi phẩm trật thượng tế theo lề luật bị giới hạn trong con người hữu hạn, khi họ mất đi, chức vụ tư tế không còn nữa. Nhưng phẩm trật tư tế Men-ki-xê-đê là muôn đời, bởi ông không có dòng tộc, không có tổ tiên, và đặc biệt trong sách Sáng Thế Ký (14) không nói đến thời gian thi hành chức vụ tư tế của ông Men-ki-xê-đê, như thế có thể nói rằng chức vụ tư tế đó còn mãi, không bao giờ chấm dứt. Qua đó, tác giả muốn nhấn mạnh rằng : Đức Ki-tô là Thượng Tế đích thực, Thượng Tế của giao ước (7,21), vị Thượng Tế chỉ cần dâng lễ tế một lần là đủ (7,27; 9,12).

Có lẽ điểm quan trọng nhất mà tác giả muốn nhấn gởi trong thư này là phải có lòng tin kiên trì khi bị thử thách (6,12; 10,36; 12,1-13). Tác giả đã sử dụng nhiều sự kiện trong Kinh Thánh (11,1-31) để chứng minh rằng những người có lòng tin, cho dù có gặp khó khăn đến đâu cũng vẫn chiến thắng. Họ chiến thắng những khó khăn đó không phải vì lòng can đảm nhưng nhờ lòng tin tưởng và phó thác vào Thiên Chúa. Cũng vậy, mỗi người Ki-tô hữu cũng hãy biết tin tưởng và phó thác cho lòng thương xót của Thiên Chúa. Đức Ki-tô đã chịu chết để đem ơn cứu độ đến cho chúng ta (5,9) thì chính những người Ki-tô hữu chúng ta cũng phải nỗ lực hết sức và đem lòng tin tưởng đó ra để chống đỡ lại những thử thách đó.

Khi đọc thư này, chúng ta cảm thấy có một sự quân bình nào đó đối với người Ki-tô hữu : sống gắn bó (3,12-13), quan tâm đến nhau (10,24), siêng năng tham dự các buổi cầu nguyện (10,25), tuân phục các người lãnh đạo (13,7).

CÂU HỎI GỢI Ý

1. Tác giả đã sử dụng hình ảnh nào trong Kinh Thánh để đề cao vai trò Thượng Tế của Đức Ki-tô ?
2. Vai trò của đức tin được xác định như thế nào ?